TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 10 năm 2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Hiển Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Minh Hương**

2. Ông **Lê Hổ Bình**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Đặng Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2021 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13^{A}/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 10/8/2021; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 21/9/2021 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ánh N**, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 26 B, phường P, quận H, thành phố H; Hiện ở tại: ngõ 36 N, phường T, quận H, thành phố H (Có mặt)

*** *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh T**, sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 26 B, phường P, quận H, thành phố H; Hiện đang thi hành án tại Trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, bản tự khai và những lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh N trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Phạm Thanh T có 01 con chung sinh năm 2014, tuy nhiên do điều kiện lúc đó anh chị chưa kết hôn được, đến 27/4/2017 anh chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện và được gia đình 2 bên đồng ý.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên không ở nhà và chị N không thể liên lạc được với anh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã từng đề cập tới việc ly hôn. Anh T không quan tâm đến việc dạy dỗ, chăm sóc, giáo dục con chung. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là việc anh T đập đồ và đánh chị trong bữa cơm. Sự việc xảy ra trong nội bộ gia đình, không ầm ĩ nên chỉ có bố mẹ chồng và con trai chị biết. Đầu tháng 3 năm 2020, chị và con trai về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến ngày 14/4/2020, chị nhận được tin anh T bị bắt tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ vì vận chuyển trái phép chất ma túy. Ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt anh T 04 năm 06 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Nay tình cảm của chị N đối với anh T không còn, vợ chồng không thể hoà giải mâu thuẫn để đoàn tụ, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 25/7/2014. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp, khiếu kiện gì.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung của ai và cũng không cho ai vay nợ chung.

***** *Quá trình giải quyết vụ án,* anh Phạm Thanh T đang đi chấp hành án tại Trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, người từ bên ngoài không được làm việc trực tiếp tại trại giam nên Tòa án không thể trực tiếp tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ lấy lời khai cũng như giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T được. Tòa án đã chuyển các văn bản tố tụng cho Trại giam Suối Hai để tống đạt cho anh T và đề nghị Trại giam Suối Hai hướng dẫn anh T viết bản tự khai về những vấn đề liên quan đến vụ án. Tại biên bản tống đạt ngày 10/6/2021, anh Phạm Thanh T đã trình bày không có ý kiến gì khác. Tòa án đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Trại giam Suối Hai tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và hướng dẫn anh T viết bản tự khai về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng anh T chỉ ký nhận và không viết bản tự khai.

** Tòa tiến hành thu thập chứng cứ:*

Ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm tiến hành ghi ý kiến bà Cao Thị H là mẹ đẻ của chị Phạm Thị Ánh N. Bà H xác nhận chị N anh T có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; có tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống tại nhà bố mẹ chồng tại địa chỉ: 26 B, phường P, quận H, thành phố H. Đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do khác biệt về giờ giấc sinh hoạt, chị N đi làm ban ngày còn anh T làm lái xe, thường xuyên đi làm ban đêm, vợ chồng xa cách. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đã có lần xảy ra xô xát. Đến tháng 3 năm 2020 thì chị N xin phép bố mẹ chồng cho chị N cùng con trai là cháu Phạm Gia B về nhà bà ở. Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo anh T chị N bảo ban nhau làm ăn, nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Đến tháng 4 năm 2020 thì anh T bị bắt về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", bị xử phạt 04 năm 06 tháng tù, hiện đang đi chấp hành án. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh T, việc anh chị ly hôn là tùy thuộc vào quyết định của anh chị và Tòa án, bà không có ý kiến gì.

Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 25/7/2014. Hiện cháu B vẫn đang ở cùng chị N và gia đình bà. Cháu đang học trường Tiểu học T ở gần nhà. Trường hợp anh chị ly hôn, việc giao con chung cho ai nuôi tùy anh chị và Tòa án quyết định. Từ tháng 4 năm 2020, chị N cùng con trai về ở cùng gia đình bà tại ngõ 38, phố N, phường T, quận H, thành phố H. Trường hợp chị N chưa có chỗ ở khác thì vợ chồng bà vẫn đồng ý cho mẹ con chị N ở tại đây.

Về tài sản chung cũng như vay nợ chung của anh chị, bà không nắm được. Giải quyết tài sản như thế nào là tùy thuộc vào anh chị và Tòa án.

Ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm tiến hành ghi ý kiến ông Phạm Hùng S là bố đẻ của anh Phạm Thanh T. Ông S cho biết anh T là con lớn trong gia đình. Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, được sự đồng ý của gia đình 2 bên, có tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền năm 2017. Anh T và chị N có với nhau 1 con chung từ năm 2014, sau đó mới tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình ông tại địa chỉ 26 B, phường P, quận H, thành phố H. Thời gian đầu, sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn hay cãi nhau, có thể là do nghề nghiệp anh T là lái xe, thường xuyên phải đi nhiều ngày. Tuy nhiên mâu thuẫn về vấn đề gì cụ thể thì ông không biết. Cũng có lần anh chị xô xát đánh nhau, gia đình có vào can ngăn. Tháng 3 năm 2020 chị N xin phép vợ chồng ông cho chị được về bên nhà bố mẹ đẻ sinh sống vì vợ chồng mâu thuẫn không thể hòa hợp được, ông cũng đã khuyên ngăn nhưng thấy mâu thuẫn cũng khó giải quyết nên đã đồng ý cho chị và con trai về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Tháng 4/2020, anh T bị bắt do có hành vi liên quan đến ma túy và hiện đang thi hành án với thời gian 4 năm 6 tháng tại trại giam Suối Hai. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, ông thấy mâu thuẫn cũng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng chắc cũng không còn việc chị N có nguyện vọng ly hôn là hợp lý. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 25/7/2014. Hiện cháu đang ở với chị N, về con chung của anh chị, ông không có ý kiến gì, tùy thuộc anh chị và Tòa án quyết định.

Tài sản chung và vay nợ của anh chị như thế nào, ông không biết. Quá trình chung sống với ông bà, anh chị không đóng góp công sức xây dựng sửa chữa nhà cửa gì. Ly hôn, về vấn đề tài sản, anh chị tự quyết định.

Việc chị N có đơn xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị N để sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung, anh T và chị N có với nhau 1 con chung từ năm 2014, sau đó mới tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hiện nay cháu B đang ở nhà bố mẹ đẻ của chị tại địa chỉ ngõ 38, phố N, phường T, quận H, thành phố H. Chị có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà, đất ở chung: Không có; Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung ai và cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Phạm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Cụ thể: Toà án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ánh N đối với anh Phạm Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với anh T cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Ánh N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Phạm Thanh T. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Phạm Thanh T có hộ khẩu thường trú tại 26 B, phường P, quận H, thành phố H, hiện đang thi hành án tại Trại giam Suối Hai, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ánh N có mặt, bị đơn là anh Phạm Thanh T vắng mặt do hiện đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai, không thể có mặt tại phiên tòa. Đối với anh T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thông báo về việc hoãn phiên tòa; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm:* Xét thấy, chị Phạm Thị Ánh N và anh Phạm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2017 tại Uỷ ban nhân dân phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2017), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và qua xác minh, xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng ly thân đã lâu, anh T phải đi chấp hành án về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Anh T sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án trình bày không có ý kiến gì khác.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận, vợ chồng thương yêu giúp đỡ lẫn nhau không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy khả năng đoàn tụ của chị N và anh T không còn, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn của chị N đối với anh T.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 25/7/2014. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Xét thấy cháu đang sinh sống ổn định cùng chị N và có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; anh T đang đi chấp hành án nên không thể nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao cháu B cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung:* Chị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung, không có tranh chấp, khiếu kiện gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Thị Ánh N đối với anh Phạm Thanh T. Chị Phạm Thị Ánh N được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

2. Về con chung: Xác nhận chị N và anh T có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 25/7/2014. Giao cháu Phạm Gia B cho chị Phạm Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Ánh N không yêu cầu anh Phạm Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0051095 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị Ánh N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Phạm Thanh T vắng mặt có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Phúc Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hiển Vinh